

Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Nguyễn Lê Hà Thanh Na
 Trường Cao đẳng Tài chính — Hải quan

Tóm tắt: Ở Việt Nam, mức độ thâm hụt ngày càng gia tăng và ngày càng có dấu hiệu tác động tiêu cực đến đời sống nhân dân cũng như tới toàn bộ nền kinh tế. Chính vì thế, mục tiêu của bài viết này chúng tôi phân tích mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu sẽ trở thành những gợi ý quan trọng cho Chính phủ và các tác nhân kinh tế trong điều hành các hoạt động kinh tế tương lai.

Từ khóa: mối quan hệ, thâm hụt ngân sách, tăng trưởng, Việt Nam

1. Giới thiệu

Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế là một vấn đề được nghiên cứu khá rộng rãi trên cả phương diện lý thuyết và kiểm định thực nghiệm. Liên quan đến mối quan hệ này, các quan điểm của các trường phái kinh tế khác nhau cũng rất khác nhau. Theo Harrison (2003), Karras (1994) thì tăng thâm hụt ngân sách sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, trường phái Keynes lại cho rằng tăng thâm hụt ngân sách sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Mặc dù có nhiều tranh luận về phương diện lý thuyết, song thâm hụt ngân sách vẫn là một vấn đề mà các quốc gia đang đối mặt. Nó ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hiện nay và tính bền vững trong tương lai, bởi việc xử lý thâm hụt ngân sách là một nội dung nhạy cảm trong điều tiết chính sách vĩ mô.

Ở nước ta, mức độ thâm hụt ngày càng gia tăng và ngày càng có dấu hiệu tác động tiêu cực đến đời sống nhân dân cũng như tới toàn bộ nền kinh tế. Chính vì thế, mục tiêu của bài viết này chúng tôi phân tích mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu sẽ trở thành những gợi ý quan trọng cho Chính phủ và các tác nhân kinh tế trong điều hành các hoạt động kinh tế tương lai.

2. Thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

2.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Hơn 20 năm qua, nét nổi bật của Việt Nam là từ một nước trì trệ, tăng trưởng thấp, đã trở thành một nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. Tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,34%/năm, thuộc loại cao ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, ở châu Á và trên thế giới nói chung. Quy mô kinh tế năm 2011 gấp trên 4,4 lần năm 1990, gấp trên 2,1 lần năm 2000 (thời kỳ 2001-2011 bình quân đạt 7,14%/năm) và tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước ở các lĩnh vực tương đối cao.

Bảng 1: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân mỗi năm 1991-2010 (%)

	Toàn bộ nền kinh tế	Tỷ trọng		
		Nông, Lâm và Thủy sản	Công nghiệp và Xây dựng	Dịch vụ
1991-1995	8,18	4,09	12,00	8,60
1996-2000	6,94	4,30	10,60	5,75
2001-2005	7,51	3,84	10,25	6,96
2006-2010	7,01	3,34	7,94	7,73

Nguồn: GSO

Năm 2012, GDP tăng 5,03% so với năm 2011. Mức tăng trưởng tuy thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn thì đây là mức tăng trưởng hợp lý. Về# sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tính tăng 3,4% so với năm 2011; công nghiệp tăng 4,8% so với năm 2011. Chi số giá tiêu dùng năm 2012 tăng 6,81%. Đầu tư phát triển tăng 7% so với năm trước và bằng 33,5% GDP. Xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng 18,3%. Kim ngạch xuất khẩu có thể vượt qua mốc 100 tỷ USD, tỷ lệ kim ngạch xuất, nhập khẩu so với GDP năm 2011 đã đạt xấp xỉ 170%, đứng thứ 5 thế giới. Vốn FDI tính từ 1988 đến tháng 7 năm 2012 đăng ký đạt trên 236 tỷ USD, thực hiện đạt trên 96,6 tỷ USD. Vốn ODA từ 1993 đến nay cam kết đạt gần 80 tỷ USD, giải ngân đạt trên 35 tỷ USD.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 1990-2012



Nguồn: ADB

Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá, trong đó sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực

đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; chú trọng đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao; khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định. Sự phục hồi và đạt mức tăng trưởng khá này đã tạo cơ sở hợp lý để quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) trong những năm sau đạt kết quả tốt hơn.

2.2. Thực trạng thâm hụt ngân sách ở Việt Nam

Thâm hụt ngân sách Việt Nam năm 1990-1995 được kiểm soát và duy trì bình quân ở mức 3% tương ứng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7,68%/năm. Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997, chỉ tiêu công tăng cao (từ 20% GDP năm 1998 lên hơn 30% các năm sau). Theo đó thâm hụt ngân sách tiếp tục các năm 1996 - 2003 nhưng đến 2004 - 2008 ngân sách thặng dư do nguồn thu ổn định với tốc độ tăng cao hơn so với chi chính phủ, chính sách kinh tế tăng trưởng và thu hút đầu tư nước ngoài... và giai đoạn 2009- 2012 thâm hụt ngân sách cao do sự thay đổi quy mô chi tiêu công, chính sách tài khóa, đặc biệt là tăng đầu tư công thông qua các chương trình kích cầu và ảnh hưởng cuộc suy thoái kinh tế thế giới và khủng hoảng nợ công.

2.3. Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1990-2012

Mối quan hệ thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế được khảo sát thông qua các giai đoạn như bảng sau:

Bảng 2: Mối quan hệ thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn	Tổng thu thuế (%/GDP)	Tổng chi tiêu chính phủ (%/GDP)	Thâm hụt (%/GDP)	Tăng trưởng (%)
1990-1995	15,47	21,65	3,13	7,68
1996-2000	17,62	21,96	2,80	6,98
2001-2005	20,86	25,70	3,50	7,50
2006-2012	24,04	28,54	2,39	6,57

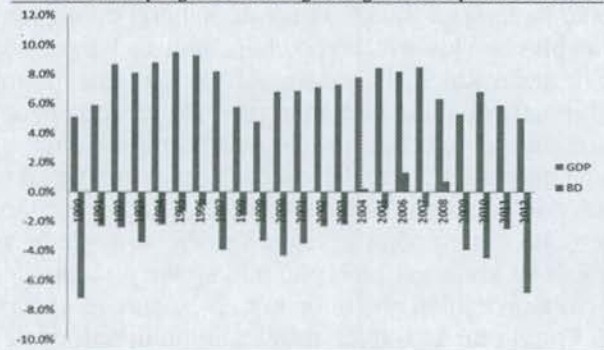
Nguồn: số liệu ADB và tính toán của tác giả

Giai đoạn 1990 -1995, tình hình thâm hụt ngân sách bình quân 3.13%, mức tăng trưởng kinh tế bình quân 7.68%. Mức thâm hụt giai đoạn này nằm trong giới hạn thâm hụt cho phép với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Sang giai đoạn 1996 - 2000, thâm hụt ngân sách 2.8% giảm hơn so với giai đoạn trước 3.13%, tốc độ tăng thu tăng cao hơn so với chi tiêu chính phủ. Giai đoạn này tuy thâm hụt giảm nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế biến động giảm hơn giai đoạn trước do ảnh hưởng tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997, chỉ tiêu công liên tục tăng cao từ 20% GDP năm 1998 lên hơn 30% các năm sau đó. Giai đoạn 2001-2005, thâm hụt ngân sách bình quân 3.5% cao nhất trong các giai đoạn, tốc độ tăng trưởng biến động ngược chiều với thâm hụt ngân sách, tăng trưởng ở mức cao 7.5%. Ở giai đoạn này, tốc độ tăng thu ngân sách cao, đồng thời tăng chi tiêu chính phủ tập trung vào đầu tư, chương trình chính sách trọng điểm của quốc

gia...theo chiều hướng tích cực phát triển tương lai.

Giai đoạn 2006-2012, thâm hụt ngân sách bình quân 2.39%, mức thâm hụt tăng cao nhất năm 2012 là 6.8%, tốc độ tăng trưởng mặc dù có giảm sút nhưng vẫn được duy trì ở mức tương đối ổn định cho nền kinh tế. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân vẫn tiếp tục tăng, nhưng do nhu cầu tăng chi tiêu chính phủ bình quân cao để đáp ứng chiến lược vĩ mô nền kinh tế trong giai đoạn này. Nguyên nhân tiếp tục đầu tư vào các công trình, giáo dục, y tế..., chịu ảnh hưởng sự suy thoái kinh tế toàn cầu, cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu, và các yếu tố chính sách giá cả, lãi suất tác động làm cho giai đoạn này thâm hụt ngân sách đáng lo ngại hơn và cần giải quyết bài toán thâm hụt tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Hình 2: Thâm hụt Ngân sách và tăng trưởng kinh tế Việt Nam 1990-2012



Nguồn: ADB

3. Kết luận và gợi ý chính sách

Các phân tích nêu trên cho thấy thâm hụt ngân sách ở Việt Nam có tác động lên tăng trưởng kinh tế nhưng không nhiều, tuy nhiên trong những năm gần đây thâm hụt ngân sách cao và kéo dài làm xói mòn niềm tin đối với năng lực điều hành vĩ mô của chính phủ, làm tăng mức lạm phát kỳ vọng của người dân và của các nhà đầu tư vì họ cho rằng Chính phủ có khả năng phải in thêm tiền để tài trợ thâm hụt. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau :

Một là, đối với công tác điều hành chính sách kinh tế thì phương pháp tính, hạch toán ngân sách phải được thực hiện công khai, minh bạch theo chuẩn mực quốc tế nhằm phản ánh chính xác tình trạng tài khóa, làm cơ sở cho sử dụng chính sách kinh tế vĩ mô hợp lý, giảm bội chi và kiểm soát lạm phát. Đồng thời Chính phủ thực hiện nhất quán chính sách tài khóa, chủ động quản lý nhu cầu chi tiêu trước mắt và trong dài hạn theo định hướng đảm bảo ổn định vĩ mô tình hình kinh tế xã hội.

Hai là, cải thiện nguồn thu ngân sách một cách bền vững hiệu quả thông qua cải cách hệ thống thuế, đặc biệt thuế thu nhập cá nhân (hiện chiếm 2% tổng ngân sách của Việt Nam trong khi con số này ở các nền kinh tế phát triển đều lớn hơn 20%). Thực hiện đánh thuế vào một số nguồn thu nhập từ đầu tư như thuế

thu nhập bất động sản, thuế thu nhập vãng, thuế thu nhập chứng khoán... Đây là những nguồn thu nhập lớn, sẽ góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách. Ngoài ra, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách để tất cả mọi người hiểu được những con số, khoản thuế mà nhân dân và doanh nghiệp đóng góp trong việc xác định hiệu quả định mức chi tiêu, định mức phân bổ trong phạm vi cả nước.

Ba là, nâng cao hiệu quả đầu tư công bằng cách kiểm soát các khoản đầu tư công của doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh việc cổ phần hóa, tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh hơn cho các doanh nghiệp tư nhân trên thị trường. Kiên định quan điểm là đầu tư từ ngân sách chỉ đầu tư cho cơ sở hạ tầng không thu hồi vốn, những cơ sở hạ tầng có thể khai thác được bằng những hình thức phù hợp khác thì có cơ chế, chính sách thích hợp để khuyến khích, bảo đảm lợi ích của các doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài. Tăng tính kỷ luật Ngân sách, bao hàm cả kỷ luật sử dụng ngân sách công đối với các cấp chính quyền và lãnh đạo các tổng công ty, tập đoàn. Do đó, việc tăng hiệu quả đầu tư công sẽ cho phép thi hành khung về kỷ luật tài khóa, vì Chính phủ ít bị áp lực phải trợ giúp các doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả; mà ngược lại, Chính phủ kích thích mọi loại hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Bốn là, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thông qua việc nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh với từng doanh nghiệp, xây dựng lại hoặc bổ sung sửa đổi lại chiến lược của tập đoàn, tổng công ty xác định rõ cụ thể mục tiêu phát triển của tập đoàn, tổng công ty, thể hiện được năng lực cạnh tranh và phát triển của doanh nghiệp. Điều chỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích hướng phát triển theo chiều sâu và có lợi trong tương lai để ổn định phát triển kinh tế (chính sách thuế, vay vốn hỗ trợ...). Đổi mới quản trị và nâng cao hiệu quả kinh doanh, cũng cần phân loại các DN có mục đích công ích thuần túy với những DN hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thu lợi nhuận.

Năm là, nâng cao quản lý nợ công và kiểm soát nợ công hiệu quả trong mức an toàn: lành mạnh hóa tình hình tài chính, đảm bảo sự công khai và minh bạch về nợ công cho toàn dân, xác định rõ mục đích vay (vay nợ để tài trợ thâm hụt ngân sách, tái cơ cấu nợ và cho vay lại, xác định mức trần nợ công). Tăng cường quản lý, tổ chức giải ngân sử dụng nợ có hiệu quả, công tác giám sát phải được tổ chức chặt chẽ, tránh tham nhũng giữa các cơ quan chính phủ biến nợ thành gánh nặng của quốc gia. Cuối cùng cần quản lý tỷ giá theo một mục tiêu mong muốn và tạo hoặc duy trì nguồn tài trợ thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại bằng việc thay đổi dự trữ ngoại hối./.

Tài liệu tham khảo

Harrison M. Musyoka, (2003), Relationship between budget deficit and economic growth in Kenya, MBA Dissertation, University of Nairobi.

Karras, G., (1994), Macroeconomic Effects of Budget Deficit: Future International Evidence, Journal of International Money and Finance, 13, pp.190-210.

Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê 1996, - 2014.